TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 29-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Phạm Văn Tỵ

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã Văn T), sinh ngày 01 tháng 9 năm 1996, tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án: 03 tiền án: tại Bản án số 43/2015/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 129/2016/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 33/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04 tháng 10 tháng 2018; tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Công an phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Hiện T chưa thi hành; nhân thân: 01 tiền sự, năm 2010 bị áp

dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng (đã được xóa); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 02 năm 2019; tạm giam ngày 04 tháng 02 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1928.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xin vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Dương Thanh H, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Hải Phòng, có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Vũ Văn T, Vũ Văn K; Vũ Văn H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 03 tháng 02 năm 2019 anh Vũ Văn T, sinh năm 1996, trú tại: thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng chở bà nội là Nguyễn Thị N, sinh năm 1928, ở cùng địa chỉ về nhà bà N thì thấy cửa xếp nhà bà N mở. Anh T đi vào trong nhà thì phát hiện Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp số tiền 2.860.000 đồng để trong túi áo khoác trong tủ của bà N. Sau khi bắt giữ T, anh T trình báo Cơ quan Công an. Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền 2.860.000 đồng, 01 xe máy điện nhãn hiệu Viper màu xanh – đen, 01 chùm chìa khóa, 01 gọng gà bằng sắt dài 68cm đường kính 2cm và 01 thanh sắt dài 57cm, đường kính 1,5cm, 02 điện thoại di động, 01 ví da màu nâu bên trong có 279.000 đồng, 01 ổ khóa, 01 áo phông đen, dây vải. Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với hành vi của bị cáo.

Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã Văn T) về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2018, sau khi chấp hành xong án phạt tù ra, T mua 01 thanh gọng gà và 01 thanh sắt giấu ở bờ đê gần cầu T, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với mục đích để sử dụng đi trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ sáng, ngày 03 tháng 02 năm 2019, Nguyễn Văn T điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Viper màu xanh – đen (không có biển kiểm soát) từ nhà đi xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Trước khi đi T đến khu vực cầu T lấy 01 thanh gọng gà và 01 thanh sắt để làm công cụ đi trộm cắp. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T đi đến nhà bà Nguyễn Thị N, phát hiện thấy cổng không khóa, T dắt xe đi vào, dùng thanh sắt phá khóa cửa xếp vào trong nhà tìm tài sản, T phát hiện số tiền 2.860.000 đồng để trong túi áo bộ đội màu xanh để trong tủ tôn ở trong phòng ngủ. T lấy số tiền trên cho vào túi quần đang mặc và T tục lục tìm những chỗ khác thì anh T chở bà N đi về phát hiện bắt quả tang hành vi của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật, việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị N và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày ý kiến: Về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt đối với bị cáo không có ý kiến gì. Đối với bị hại trong quá trình điều tra đã nhận lại T bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử có mức án nghiêm khắc đối với hành vi của bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã Văn T) từ 03 (ba) năm đến 03 (ba năm) 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Giao chiếc xe máy điện nhãn hiệu Viper màu xanh - đen không có biển kiểm soát cho Cơ quan Điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng T tục điều tra xử lý theo thẩm quyền. Đối với số tiền 279.000 đồng thu giữ của bị cáo là khoản tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chùm chìa khóa (gồm 01 chìa khóa của xe máy điện và 05 chìa khóa kèm theo), 01 gọng gà bằng sắt dài 68cm đường kính 2cm và 01 thanh sắt dài 57cm, đường kính 1,5cm và 01 ổ khóa Việt Tiệp đã hỏng, 01 áo phông đen, 02 sợi dây vải tối mầu.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc ví da mầu nâu, 02 chiếc điện thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng đã có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, bị hại và người làm chứng đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị

hại và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Về các chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà về việc lợi dụng sơ hở của gia đình bà Nguyễn Thị N không có ai ở nhà bị cáo đã phá khóa cửa vào trong nhà chiếm đoạt số tiền 2.860.000 đồng của bà N phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang do Cơ quan Điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng lập vào hồi 13 giờ 20 phút, ngày 03 tháng 02 năm 2019 tại Công an xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để chiếm đoạt tài sản là hành vi Trộm cắp tài sản

[4] Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi nêu trên, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã Văn T) đã có hành vi lợi dụng lúc gia đình bà Nguyễn Thị N không có ai ở nhà đã phá khóa cửa vào trong nhà chiếm đoạt số tiền 2.860.000đồng của bà N tại nhà bà N ở thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã Văn T) phạm tội "Trộm cắp tài sản", vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sau khi chấp hành xong hình phạt của bản án trước, trong một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N là 2.860.000 đồng. Tuy nhiên trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có ba tiền án tại Bản án số 43/2015/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 129/2016/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 33/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04 tháng 10 tháng 2018, tính đến ngày phạm tội các tiền án trên của bị cáo đều chưa được xóa án nên hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp " Tái phạm nguy hiểm" vi phạm điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có 03 tiền án đều chưa được xóa án. Tuy nhiên nhưng tiền án này đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự..

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xét tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã thu chiếc xe máy điện nhãn hiệu Viper màu xanh - đen không có biển kiểm soát, 01 chùm chìa khóa, 01 gọng gà bằng sắt dài 68cm đường kính 2cm và 01 thanh sắt dài 57cm, đường kính 1,5cm, 02 điện thoại di động (trong đó gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galasydocomo mầu vàng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Itel mầu đen), 01 ví da bên trong có 279.000 đồng, 01 ổ khóa Việt Tiệp đã hỏng, 01 áo phông mầu đen, 02 sợi dây vải tối mầu hiện Cơ quan Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đang quản lý. Xét 01 chùm chìa khóa (gồm 01 chìa khóa của xe máy điện và 05 chìa khóa kèm theo), 01 gọng gà bằng sắt dài 68cm đường kính 2cm và 01 thanh sắt dài 57cm, đường kính 1,5cm là công cụ bị cáo khai dùng vào việc phạm tội, 01 ổ khóa Việt Tiệt trên là của ông Hậu là con bà N, ông Hậu không yêu cầu nhận lại, 01 áo phông đen, 02 sợi dây vải tối mầu bị cáo không yêu cầu nhận lại, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Viper màu xanh - đen không có biển kiểm soát số máy TY48V600W15120022, số khung T201601010015 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên giao cho Cơ quan Điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền. 01 chiếc ví mầu nâu và số tiền 279.000đồng là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo sử dụng 01 chiếc ví nhưng tạm giữ số tiền trên để đảm bào thi hành án

dân sự của bị cáo. Ngoài ra Cơ quan điều tra đã thu số tiền 2.860.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bà N, quá trình điều tra đã trả lại cho bà N sử dụng nên không còn gì phải xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị N đã nhận lại số tiền 2.860.000đồng không có yêu cầu gì thêm, đối với 01 ổ khóa Việt Tiệp theo ông Hậu là con bà N trình bày ổ khóa trên là do ông mua từ lâu, hiện không còn giá trị sử dụng ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật**.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã văn T) 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 03 tháng 02 năm 2019. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Mã văn T).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Giao chiếc xe máy điện nhãn hiệu Viper màu xanh - đen không có biển kiểm soát, số máy TY48V600W15120022, số khung T201601010015 đã thu giữ của bị cáo cho Cơ quan Điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng T tục điều tra xử lý theo thẩm quyền .

- Tạm giữ số tiền 279.000 đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án dân sự của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chùm chìa khóa (gồm 01 chìa khóa của xe máy điện và 05 chìa khóa kèm theo), 01 gọng gà bằng sắt dài 68cm đường kính 2cm và 01 thanh sắt dài 57cm, đường kính 1,5cm và 01 ổ khóa Việt Tiệp đã hỏng, 01 áo phông mầu đen, 02 sợi dây vải tối mầu.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc ví da, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galasydocomo mầu vàng, 01 chiếc điện thoại đen trắng nhãn hiệu Itel mầu đen

(*T bộ* v*ật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).*

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương